

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
VĨNH HOÀN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	15 - 43
8. Phụ lục	44

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400112623, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 11 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

924.039.430.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại : (84 - 67) 3891 166
Fax : (84 - 67) 3891 672
E-mail : vh@vinhhoan.com.vn
Mã số thuế : 1400112623

Các đơn vị trực thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại TP. Hồ Chí Minh	569-571-573 (lầu 8,9) Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; nuôi trồng thủy sản nội địa; mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế, mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản; mua bán thủy hải sản, mua bán nông sản thực phẩm, súc sản phục vụ sản xuất; mua bán hóa chất phục vụ sản xuất, nhập khẩu, mua bán phân bón, kinh doanh thuốc thú y thủy sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất; sản xuất bao bì giấy; in bao bì các loại; xây dựng nhà các loại; xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo; kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản), kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; mua bán, xuất nhập khẩu gạo; các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

Công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Giấy phép thành lập</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	Số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp.	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Số 1401420853, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 7 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.	99,30%



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Giấy phép thành lập</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	Số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011 và thay đổi lần thứ 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.	90%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011 và thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.	85%
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Áp Đông Hoà, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Số 1200667963 ngày 22 tháng 6 năm 2007 và thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp	99,06%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Lợi nhuận năm nay tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do sản lượng tiêu thụ tăng và lợi nhuận từ bán Công ty con.

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành thêm 30.801.240 cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu và 197.790 cổ phiếu ESOP cho nhân viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14 tháng 5 năm 2014 và đã tái phát hành 1.198.750 cổ phiếu quỹ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 7 năm 2014.

Ngày 31 tháng 7 năm 2014 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã bán Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1(Công ty con).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 44).

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phân phối lợi nhuận năm 2013 và 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 14 tháng 5 năm 2014 và Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 10 năm 2014 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng vượt kế hoạch cho Ban điều hành	10.000.000.000 VND
- Chia cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt	90.309.244.500 VND
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	308.012.400.000 VND
- Phát hành cổ phiếu ESOP cho nhân viên	1.977.900.000 VND
Cộng	<u>410.299.544.500 VND</u>

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã hoàn tất việc chuyển nhượng 85% vốn đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Hoa Kỳ với giá chuyển nhượng là USD 425,000.00 theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn đã ký kết với bên mua vào ngày 15 tháng 8 năm 2014.

Ngoài sự kiện nêu trên, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Võ Phú Đức	Thành viên	09 tháng 5 năm 2012	-
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên	25 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Tuyết Hoa	Trưởng ban	09 tháng 5 năm 2012	-
Ông Phạm Lâm Triều	Thành viên	25 tháng 4 năm 2013	-
Ông Trần Minh Hào	Thành viên	14 tháng 5 năm 2014	-
Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	14 tháng 5 năm 2014

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Trương Tuyết Phương	Giám Đốc thu mua – nhân sự	09 tháng 01 năm 2014	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Giám đốc dự án	09 tháng 01 năm 2014	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Giám đốc kinh doanh	09 tháng 01 năm 2014	-
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Giám đốc tài chính	01 tháng 01 năm 2014	-
Bà Hồ Thanh Huệ	Giám đốc sản xuất	01 tháng 3 năm 2014	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng các Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

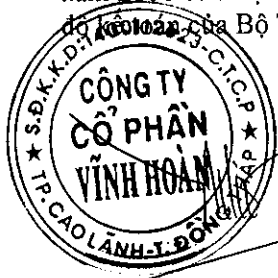
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính

Ngày 30 tháng 3 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trung Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0415/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2015, từ trang 08 đến trang 44 kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.118.825.508.618	1.660.675.423.471
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	89.237.664.563	73.328.912.771
1. Tiền	111		89.237.664.563	73.328.912.771
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		802.451.008.141	240.977.578
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	802.451.008.141	240.977.578
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		670.183.505.921	416.902.748.935
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	555.016.301.366	358.814.540.235
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	89.449.131.841	61.061.119.631
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	34.356.236.070	5.594.717.021
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(8.638.163.356)	(8.567.627.952)
IV. Hàng tồn kho	140		1.454.624.584.803	1.097.463.537.707
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.509.663.104.281	1.154.642.895.108
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(55.038.519.478)	(57.179.357.401)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		102.328.745.190	72.739.246.480
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	4.052.962.667	4.499.978.448
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53.919.551.759	45.598.213.424
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	575.222.399	127.746.901
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	43.781.008.365	22.513.307.707

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.373.138.678.896	888.941.372.566
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.170.201.946.247	807.040.605.187
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	915.500.248.665	605.412.947.516
<i>Nguyên giá</i>	222		1.460.364.578.367	1.083.747.762.101
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(544.864.329.702)	(478.334.814.585)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	120.448.890.982	86.074.073.974
<i>Nguyên giá</i>	228		130.634.567.558	89.430.154.846
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.185.676.576)	(3.356.080.872)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	134.252.806.600	115.553.583.697
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.045.847.888	7.697.000.726
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	2.045.847.888	7.697.000.726
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		110.350.163.629	74.203.766.653
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	83.287.568.218	48.077.487.614
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.17	4.050.170.875	3.329.418.949
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	23.012.424.536	22.796.860.090
VI. Lợi thế thương mại	269		90.540.721.132	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.491.964.187.514	2.549.616.796.037

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.605.206.164.864	993.334.622.290
I. Nợ ngắn hạn	310		2.533.902.252.388	901.954.660.554
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	2.035.705.398.842	512.222.635.038
2. Phải trả người bán	312	V.20	245.560.157.277	84.102.525.240
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	11.631.558.268	8.372.038.166
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	13.395.750.923	11.873.863.732
5. Phải trả người lao động	315	V.23	70.592.690.941	53.270.413.299
6. Chi phí phải trả	316	V.24	18.864.046.674	19.912.570.969
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	37.704.805.919	108.043.114.010
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	43.100.000.000	43.100.000.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	57.347.843.544	61.057.500.100
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		71.303.912.476	91.379.961.736
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	63.546.765.919	84.116.433.338
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.29	7.757.146.557	7.263.528.398
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.869.914.277.690	1.467.893.650.986
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.869.914.277.690	1.467.893.650.986
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	924.039.430.000	614.049.130.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	216.409.744.645	190.492.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.30	-	(36.897.215.355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	4.596.414.898	4.233.565.274
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	724.868.688.147	696.016.171.067
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.31	16.843.744.960	88.388.522.761
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.491.964.187.514	2.549.616.796.037

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối năm	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		3.547.063,25	1.091.851,44
Euro (EUR)		638,17	284,70
Nhân dân tệ (CNY)		3.436,00	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Chưa

Chưa



... ngày 25 tháng 3 năm 2015

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.300.114.589.793	5.104.982.308.957
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	7.665.955.244	9.970.397.459
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	6.292.448.634.549	5.095.011.911.498
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.469.173.184.569	4.491.390.771.560
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		823.275.449.980	603.621.139.938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	238.197.793.288	93.375.830.680
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	64.703.900.365	90.566.596.204
Trong đó: chi phí lãi vay	23		38.437.879.203	77.556.979.729
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	245.140.954.972	247.603.991.011
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	161.644.877.846	136.205.793.637
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		589.983.510.085	222.620.589.766
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.516.783.102	14.623.995.133
12. Chi phí khác	32	VI.8	9.438.227.217	9.697.712.678
13. Lợi nhuận khác	40		(2.921.444.115)	4.926.282.455
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		587.062.065.970	227.546.872.221
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	124.375.704.473	41.637.653.583
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(227.133.767)	9.871.308.972
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>462.913.495.264</u>	<u>176.037.909.666</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		23.761.433.684	17.651.998.211
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		439.152.061.580	158.385.911.455
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>4.806</u>	<u>1.737</u>

Thưa

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Thưa

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		587.062.065.970	227.546.872.221
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	120.830.567.381	110.824.016.997
- Các khoản dự phòng	03	V.8	(4.584.173.248)	(1.793.826.454)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	4.639.431.082	2.897.171
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(210.448.590.756)	(78.863.053.937)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	38.437.879.203	77.556.979.729
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		535.937.179.632	335.273.885.727
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(114.481.540.104)	27.594.604.391
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(216.611.547.401)	(107.560.055.218)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		31.677.833.432	(53.056.995.607)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.961.902.612)	(6.458.922.724)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24, VI.4	(39.068.352.211)	(79.132.794.650)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(125.850.606.493)	(46.316.451.465)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		8.435.319.176	2.345.845.654
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(14.489.454.497)	(11.024.837.358)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		63.586.928.922	61.664.278.750
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13, VII	(361.515.858.300)	(197.330.850.192)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.027.265.486	447.160.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.132.210.030.563)	(200.023.926.798)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		331.022.158.190	940.540.794.196
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(356.600.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		404.022.941.627	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.840.314.215	95.368.266.329
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.097.413.209.345)	639.001.443.990

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		135.765.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	5.957.019.471.672	5.626.568.523.538
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, V.28	(4.875.020.537.130)	(6.285.157.765.883)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(168.389.466.675)	(4.507.494.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.049.374.467.867	(663.096.736.345)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15.548.187.444	37.568.986.395
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	73.328.912.771	35.542.358.549
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		360.564.348	217.567.827
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	89.237.664.563	73.328.912.771

Phươ
 Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Người lập biểu

Phươ
 Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Phươ
 Nguyễn Thị Kim Đào
 Giám đốc tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Xay sát và sản xuất bột thô; bán buôn gạo. Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen thủy phân; sản xuất mỹ phẩm; sản xuất hóa dược phẩm; xuất nhập khẩu gelatin, collagen thủy phân, hóa dược phẩm, nhập khẩu hóa chất, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất gelatin, collagen thủy phân, hóa dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng; xuất nhập khẩu mỹ phẩm; xuất nhập khẩu thực phẩm chức năng
- Tổng số các công ty con** : 06
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 06

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 (*)	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.	69,80%	69,80%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Áp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	99,3%	99,3%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	100%	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	97,14%	97,14%
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Ấp Đông Hoà, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	99,06%	99,06%

(*) Tập đoàn chi hợp nhất số liệu 7 tháng đầu năm 2014 của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 trong kết quả kinh doanh.

6. **Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**
Lợi nhuận năm nay tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do sản lượng tiêu thụ tăng và lợi nhuận từ bán Công ty con.

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành thêm 30.801.240 cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu và 197.790 cổ phiếu ESOP cho nhân viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14 tháng 5 năm 2014 và đã tái phát hành 1.198.750 cổ phiếu quỹ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 7 năm 2014.

Ngày 31 tháng 7 năm 2014 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã bán Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 (Công ty con).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

9. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất các Công ty trong Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

19. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.036 VND/USD
31/12/2014 : 21.369 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.227.149.437	2.826.153.335
Tiền gửi ngân hàng	84.010.515.126	70.502.759.436
Cộng	<u>89.237.664.563</u>	<u>73.328.912.771</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm. Trong đó Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 330 tỷ VND đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

3. Phải thu khách hàng

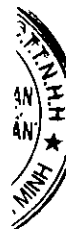
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (*)	165.841.543.985	169.900.127.143
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	-	14.493.504.694
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	747.904.000	1.333.675.000
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	381.808.219.124	173.087.233.398
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	6.618.634.257	-
Cộng	<u>555.016.301.366</u>	<u>358.814.540.235</u>

(*) Một số khoản phải thu khách hàng có giá trị là 120 tỷ VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (*)	45.623.496.900	26.351.448.769
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	-	8.681.667.184
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	2.076.730.558	-
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	-	22.505.377.979
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	254.000.001	3.522.625.699
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	849.840.000	-
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	40.645.064.382	-
Cộng	<u>89.449.131.841</u>	<u>61.061.119.631</u>

(*) Trong đó, khoản tiền thanh toán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vùng nuôi Vĩnh Hòa và vùng nuôi Hòa Hưng với số tiền lần lượt là 15.664.600.000 VND và 6.781.450.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	10.287.401.389	-
Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty lương thực Miền Nam – tiền hàng ủy thác xuất khẩu	5.668.963.950	3.235.336.800
Các khoản phải thu khác	18.399.870.731	2.359.380.221
Cộng	<u>34.356.236.070</u>	<u>5.594.717.021</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.501.995.688	8.567.627.952
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	7.136.167.668	-
Cộng	<u>8.638.163.356</u>	<u>8.567.627.952</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	11.133.839.418
Nguyên liệu, vật liệu	107.132.569.320	242.554.338.932
Công cụ, dụng cụ	6.087.445.381	3.674.151.485
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	698.479.229.636	377.130.694.031
Thành phẩm	674.249.388.095	512.713.927.572
Hàng hóa	3.537.000	142.717.928
Hàng gửi đi bán	23.710.934.849	7.293.225.742
Cộng	<u>1.509.663.104.281</u>	<u>1.154.642.895.108</u>

Một số hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 45 tỷ VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	8.576.287.237	-
Thành phẩm	46.462.232.241	57.179.357.401
Cộng	<u>55.038.519.478</u>	<u>57.179.357.401</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	57.179.357.401
Tăng do mua Công ty con	2.443.335.325
Hoàn nhập dự phòng	(4.584.173.248)
Số cuối năm	<u>55.038.519.478</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.200.833.149	2.830.964.538
Chi phí bảo hiểm	1.784.614.497	1.669.013.910
Chi phí san lấp đào ao	1.067.515.021	-
Cộng	<u>4.052.962.667</u>	<u>4.499.978.448</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng (*)	43.776.008.365	22.141.201.707
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	372.106.000
Cộng	<u>43.781.008.365</u>	<u>22.513.307.707</u>

(*) Trong đó, khoản tạm ứng cho các cá nhân để mua đất tại các vùng nuôi với tổng số tiền là 21.218.521.934 VND. Hiện tại, các vùng nuôi này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng nhưng đã đưa vào khai thác.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	466.241.829.621	581.538.814.076	33.258.056.277	2.709.062.127	-	1.083.747.762.101
Tăng trong năm	232.433.359.342	302.057.765.201	22.396.896.084	4.605.788.625	19.856.907.159	581.350.716.411
Mua sắm mới	4.295.557.020	161.727.078.189	13.253.727.273	1.312.671.488	-	180.589.033.970
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	147.073.703.425	61.279.998.301	-	-	1.943.700.000	210.297.401.726
Tăng do mua Công ty con	80.769.667.548	79.050.688.711	9.128.628.678	3.238.565.774	17.913.207.159	190.100.757.870
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo	294.431.349	-	14.540.133	54.551.363	-	363.522.845
Giảm trong năm	(67.417.172.932)	(125.717.347.406)	(10.931.072.645)	(668.307.162)	-	(204.733.900.145)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.367.311.523)	(1.846.348.160)	(144.210.903)	-	(3.357.870.586)
Giảm do bán Công ty con	(62.039.658.588)	(95.370.657.623)	(6.567.082.135)	(524.096.259)	-	(164.501.494.605)
Phân loại lại	(5.377.514.344)	(28.979.378.260)	(2.517.642.350)	-	-	(36.874.534.954)
Số cuối năm	<u>631.258.016.031</u>	<u>757.879.231.871</u>	<u>44.723.879.716</u>	<u>6.646.543.590</u>	<u>19.856.907.159</u>	<u>1.460.364.578.367</u>
Trong đó:						
Khấu hao hết nhưng còn sử dụng	24.886.246.868	94.244.630.421	3.486.141.719	1.779.284.163	-	124.396.303.171
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	122.675.591.508	337.594.013.497	15.781.911.261	2.283.298.319	-	478.334.814.585
Tăng trong năm	65.928.637.004	98.976.118.827	6.337.744.517	2.415.422.181	9.603.739.563	183.261.662.092
Khấu hao trong năm	41.548.743.795	68.176.495.202	4.021.945.865	457.178.862	982.361.205	115.186.724.929
Tăng do mua Công ty con	24.317.326.567	30.799.623.625	2.308.528.580	1.912.743.939	8.621.378.358	67.959.601.069
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo	62.566.642	-	7.270.072	45.499.380	-	115.336.094
Giảm trong năm	(27.198.549.966)	(80.272.137.281)	(8.635.445.143)	(626.014.585)	-	(116.732.146.975)
Thanh lý, nhượng bán	-	(993.121.246)	(1.096.546.651)	(192.537.896)	-	(2.282.205.793)
Giảm do bán Công ty con	(21.821.035.622)	(50.881.864.432)	(4.439.029.485)	(433.476.689)	-	(77.575.406.228)
Phân loại lại	(5.377.514.344)	(28.397.151.603)	(3.099.869.007)	-	-	(36.874.534.954)
Số cuối năm	<u>161.405.678.546</u>	<u>356.297.995.043</u>	<u>13.484.210.635</u>	<u>4.072.705.915</u>	<u>9.603.739.563</u>	<u>544.864.329.702</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	343.566.238.113	243.944.800.579	17.476.145.016	425.763.808	-	605.412.947.516
Số cuối năm	<u>469.852.337.485</u>	<u>401.581.236.828</u>	<u>31.239.669.081</u>	<u>2.573.837.675</u>	<u>10.253.167.596</u>	<u>915.500.248.665</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 304.815.303.899 VND và 153.661.276.022 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	88.491.679.766	938.475.080	89.430.154.846
Mua trong năm	2.385.887.586	136.720.000	2.522.607.586
Tăng do mua Công ty con	51.161.986.796	32.934.980	51.194.921.776
Giảm do bán Công ty con	(12.279.871.360)	(233.245.290)	(12.513.116.650)
Số cuối năm	129.759.682.788	874.884.770	130.634.567.558
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.251.852.100	540.229.790	1.792.081.890
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.620.515.142	735.565.730	3.356.080.872
Khấu hao trong năm	1.625.377.163	81.912.196	1.707.289.359
Tăng do mua Công ty con	6.149.114.285	21.956.604	6.171.070.889
Giảm do bán Công ty con	(865.406.754)	(183.357.790)	(1.048.764.544)
Số cuối năm	9.529.599.836	656.076.740	10.185.676.576
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	85.871.164.624	202.909.350	86.074.073.974
Số cuối năm	120.230.082.952	218.808.030	120.448.890.982

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 73.578.759.134 VND và 63.305.489.211 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm (*)	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	79.007.780.242	174.056.500.974	(168.946.240.151)	84.118.041.065
XDCB dở dang	36.545.803.455	223.886.363.806	(210.297.401.726)	50.134.765.535
<i>Chi phí cho các ao nuôi cá</i>	2.513.617.322	24.133.196.235	(26.517.920.460)	128.893.097
<i>Công trình xây dựng nhà xưởng (Vĩnh Hoàn 5)</i>	21.728.553.127	179.589.981.182	(161.037.259.104)	40.281.275.205
<i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i>	12.303.633.006	20.163.186.389	(22.742.222.162)	9.724.597.233
Cộng	115.553.583.697	397.942.864.780	(379.243.641.877)	134.252.806.600

(*) Trong đó: Chi phí xây dựng cơ bản do Tập đoàn mua Công ty con là 13.082.798.659 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	Sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản	100.000.000.000 VND	69,80%	69,80%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	499,912.00 USD	100%	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	100.000.000.000 VND	99,30%	99,30%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ^(iv)	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	80.000.000.000 VND	100%	100%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 ^(v)	Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen	80.000.000.000 VND	97,14%	97,14%
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang ^(vi)	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	255.423.960.000 VND	99,06%	-

- (i) Tại ngày 31 tháng 7 năm 2014, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã bán khoản đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 7 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 99.300.000.000 VND, tương đương 99,30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư đủ số vốn đăng ký góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 311.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.689.000.000 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần 04 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 85.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư đủ số vốn đăng ký góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- (vi) Trong năm Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã mua 25.302.396 cổ phiếu Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang với giá mua là 356.600.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 25.302.396 cổ phiếu, tương đương 99,06% vốn điều lệ của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2012 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Công ty con) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012. Việc góp vốn vào Công ty trên sẽ được thực hiện trong thời gian tới.

Trong năm 2014 Công ty đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300254158 ngày 11 tháng 12 năm 2014). Việc góp vốn vào Công ty trên chưa được thực hiện.

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm (*)	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	38.726.967.578	20.571.350.857	(16.864.843.775)	42.433.474.660
Tiền thuê đất	7.665.081.498	1.427.585.850	(2.220.377.346)	6.872.290.002
Chi phí thành lập	1.004.719.573	-	-	1.004.719.573
Chi phí trước hoạt động	680.718.965	3.633.207.237	-	4.313.926.202
Chi phí đào ao, xây dựng cồn	-	20.027.403.159	(2.674.363.368)	17.353.039.791
Chi phí gia cố ao nuôi	-	5.829.361.731	(2.410.095.054)	3.419.266.677
Chi phí khác	-	8.507.287.278	(616.435.965)	7.890.851.313
Cộng	48.077.487.614	59.996.196.112	(24.786.115.508)	83.287.568.218

(*) Trong đó: Chi phí trả trước dài hạn do mua Công ty con là 31.479.716.927 VND.

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	3.329.418.949
Phát sinh trong năm	720.751.926
Số cuối năm	4.050.170.875

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Tháp - An Giang	-	3.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱ⁾	347.756.277.859	-
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	1.528.475.299.894	441.269.864.823
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	159.473.821.089	67.752.770.215
Cộng	2.035.705.398.842	512.222.635.038



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay không có tài sản bảo đảm Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định hữu hình.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và hàng tồn kho.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	512.222.635.038
Tăng do mua công ty con	366.867.255.419
Số tiền vay phát sinh	5.957.019.471.672
Chênh lệch tỷ giá	9.958.906.424
Số tiền vay đã trả	<u>(4.810.362.869.711)</u>
Số cuối năm	<u>2.035.705.398.842</u>

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	146.830.874.325	56.258.226.361
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	-	25.582.110.871
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	275.220.886	1.974.294.510
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	27.405.393.312	284.738.104
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	46.303.101.319	3.155.394
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	-	-
Tiền Giang	24.745.567.435	-
Cộng	<u>245.560.157.277</u>	<u>84.102.525.240</u>

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	8.259.277.553	5.533.629.938
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	-	51.529.416
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	536.400.000	1.801.610.000
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	1.526.175.603	985.268.812
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	-	-
Tiền Giang	1.309.705.112	-
Cộng	<u>11.631.558.268</u>	<u>8.372.038.166</u>

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.074.913.020	6.010.107.867	(7.085.020.887)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu ⁽ⁱ⁾	-	22.955.359.076	(23.009.749.290)	(54.390.214)
Thuế xuất, nhập khẩu ⁽ⁱ⁾	(127.746.901)	926.181.111	(1.319.266.395)	(520.832.185)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	9.875.894.469	127.985.420.923	(125.850.606.493)	12.010.708.899
Thuế thu nhập cá nhân	923.056.243	18.026.320.235	(17.564.334.454)	1.385.042.024
Thuế nhà đất	-	3.192.300.275	(3.192.300.275)	-
Các loại thuế khác	-	2.502.217.797	(2.502.217.797)	-
Cộng	<u>11.746.116.831</u>	<u>181.597.907.284</u>	<u>(180.523.495.591)</u>	<u>12.820.528.524</u>

⁽ⁱ⁾ Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Số phải nộp trong năm bao gồm:

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	124.375.704.473
Tăng do mua Công ty con	4.153.103.975
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(33.553.380)
Giảm do bán Công ty con	(509.834.145)
Cộng	127.985.420.923

23. **Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động.

24. **Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	71.905.453	237.711.705
Chi phí vận chuyển	3.154.890.000	14.431.569.893
Chi phí khác	15.637.251.221	5.243.289.371
Cộng	18.864.046.674	19.912.570.969

25. **Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	10.900.435.180	7.549.230.208
Cổ tức phải trả	52.953.825	3.033.256.000
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	3.975.834.292
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	92.059.995.316
Các khoản phải trả khác	26.751.416.914	1.424.798.194
Cộng	37.704.805.919	108.043.114.010

26. **Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

27. **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số đầu năm	61.057.500.100
Tăng do mua Công ty con	655.555.000
Trích quỹ trong năm	10.000.000.000
Chi quỹ trong năm	(14.365.211.556)
Số cuối năm	57.347.843.544

28. **Vay và nợ dài hạn**

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2. Lãi suất cho vay theo lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng loại trả sau do bên cho vay công bố + biên độ cố định 3,6%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay áp dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do bên cho vay công bố từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	-
Trên 01 năm đến 05 năm	31.773.382.959
Trên 05 năm	31.773.382.960
Tổng nợ	63.546.765.919

Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	84.116.433.338
Tăng do mua Công ty con	44.088.000.000
Số tiền vay đã trả	(64.657.667.419)
Số cuối năm	63.546.765.919

29. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	7.263.528.398
Phát sinh trong năm	493.618.159
Số cuối năm	7.757.146.557

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 44.

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 50% và phát hành cổ phiếu ESOP cho nhân viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14 tháng 5 năm 2014. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 309.990.300.000 VND. Ngày 11 tháng 12 năm 2014 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần 08 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 924.039.430.000 VND.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Cổ tức đã chi trả cổ đông công ty mẹ	90.284.550.675
Cổ tức đã chi trả cổ đông thiểu số	78.104.916.000
Cộng	168.389.466.675

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	92.403.943	61.404.913
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	92.403.943	61.404.913
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	61.404.913
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	-	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	92.403.943	60.206.163
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	60.206.163
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND và do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm trong giai đoạn xây dựng để hình thành Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5.

31. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Số đầu năm	88.388.522.761
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	72.950.040.000
Lợi nhuận trong năm	23.761.433.684
Trừ lợi nhuận đã chia	(75.099.920.000)
Giảm do bán Công ty con	(93.156.331.485)
Cộng	16.843.744.960

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	6.300.114.589.793	5.104.982.308.957
- Doanh thu bán hàng hóa	365.747.325.591	290.992.887.225
- Doanh thu bán thành phẩm	5.148.221.274.877	4.188.025.878.597
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.128.762.893	30.146.735.045
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	66.859.297.803	51.592.162.458
- Doanh thu phế phẩm	703.157.928.629	544.224.645.632
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(7.665.955.244)	(9.970.397.459)
- Giảm giá hàng bán	(1.606.217.771)	(2.762.178.639)
- Hàng bán bị trả lại	(6.059.737.473)	(7.208.218.820)
Doanh thu thuần	6.292.448.634.549	5.095.011.911.498
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	365.747.325.591	290.985.226.425
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	5.140.644.148.084	4.179.896.005.938
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	16.128.762.893	30.146.735.045
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	66.859.297.803	51.592.162.458
- Doanh thu thuần phế phẩm	703.069.100.178	542.391.781.632

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa	333.031.291.128	255.130.869.600
Giá vốn của thành phẩm	4.433.474.538.996	3.664.574.087.635
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	811.141.817
Giá vốn của nguyên vật liệu	62.149.234.407	46.857.241.204
Giá vốn của phế phẩm	645.102.293.286	530.250.908.535
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.584.173.248)	(6.233.477.231)
Cộng	5.469.173.184.569	4.491.390.771.560

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.706.211.119	67.214.166.858
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	446.008.160	345.032.716
Lãi cho vay	616.136.452	1.037.220.271
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	7.010.270.391	8.084.392.029
Lãi bán hàng trả chậm	1.411.234.091	2.861.374.109
Lãi chuyển nhượng công ty con	182.753.138.010	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	97.657.512	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.157.137.553	13.833.644.697
Cộng	<u>238.197.793.288</u>	<u>93.375.830.680</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	38.437.879.203	77.556.979.729
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.737.088.594	2.897.171
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.528.932.568	13.006.719.304
Cộng	<u>64.703.900.365</u>	<u>90.566.596.204</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	8.495.400.413	6.323.312.493
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.964.036.334	5.879.489.270
Chi phí khấu hao TSCĐ	191.265.502	350.077.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.218.703.294	141.668.573.045
Chi phí khác	79.271.549.429	93.382.538.340
Cộng	<u>245.140.954.972</u>	<u>247.603.991.011</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	43.049.224.344	33.849.663.599
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.228.838.248	1.331.534.454
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.111.824.974	9.024.524.570
Thuế, phí và lệ phí	4.892.102.070	1.841.742.319
Chi phí dự phòng	-	5.160.997.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.548.363.453	60.459.635.879
Chi phí khác	29.814.524.757	24.537.695.019
Cộng	<u>161.644.877.846</u>	<u>136.205.793.637</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.027.265.486	447.160.455
Các khoản nợ không phải trả	60.195.099	769.204.074
Thu nhập khác	3.429.322.517	13.407.630.604
Cộng	<u>6.516.783.102</u>	<u>14.623.995.133</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.075.664.793	781.259.785
Chi phí khác	8.362.562.424	8.916.452.893
Cộng	<u>9.438.227.217</u>	<u>9.697.712.678</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(720.751.926)	7.263.528.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	493.618.159	2.607.780.574
Cộng	<u>(227.133.767)</u>	<u>9.871.308.972</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	439.152.061.580	158.385.911.455
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	439.152.061.580	158.385.911.455
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	91.371.686	91.205.193
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.806</u>	<u>1.737</u>

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	60.206.163	46.312.523
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận chưa phân phối	-	13.893.640
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận chưa phân phối	30.999.030	30.999.030
Ảnh hưởng của tái phát hành cổ phiếu quỹ	166.493	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>91.371.686</u>	<u>91.205.193</u>

Năm 2014 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 50% và phát hành cổ phiếu ESOP cho nhân viên. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.579 VND xuống còn 1.737 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các Công ty trong Tập đoàn có công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	28.068.215.680	3.867.892.996
Ứng trước mua tài sản cố định	35.701.556.885	49.679.210.836
Tăng vốn bằng cổ tức	309.990.300.000	138.936.400.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển nhượng 85% cổ phần của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Hoa Kỳ với giá chuyển nhượng là USD 425,000.00 theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn đã ký kết với bên mua vào ngày 15 tháng 8 năm 2014.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Hội đồng quản trị và Ban điều hành</i>		
Mua cổ phần	356.600.000.000	-
Mượn tiền	-	12.000.000.000
<i>Các cá nhân có liên quan</i>		
Mua nguyên vật liệu	15.924.292.360	8.728.045.580
Bán hàng hóa	-	286.575.046

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	419.499.372	20.000.000
Các cá nhân có liên quan	4.500.000.000	-
Cộng nợ phải thu	<u>4.919.499.372</u>	<u>20.000.000</u>
Các cá nhân có liên quan	-	825.795.280
Cộng nợ phải trả	<u>-</u>	<u>825.795.280</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 9.766.712.092 VND (năm trước là 5.562.601.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa các Công ty trong Tập đoàn với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua hàng hóa, dịch vụ	6.194.531.225	15.220.293.850
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, dịch vụ	8.762.412.979	2.691.393.580
Bán thành phẩm	4.699.886.679	7.333.632.440
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	10.645.389.870	6.925.802.687
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	1.296.049.124	21.175.449.035
Doanh thu phí cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	1.978.732.080	1.255.289.269
Chi phí khác	348.646.250	-
Mua tài sản cố định	6.194.531.225	-
Cho thuê mặt bằng, máy móc thiết bị	8.762.412.979	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	485.771.094	533.043.825
Phải thu tiền bán hàng	879.642.186	-
Cộng nợ phải thu	1.365.413.280	533.043.825

Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức

Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	3.975.834.292
Phải trả tiền hàng	276.588	2.556.362.241
Cộng nợ phải trả	276.588	6.532.196.533

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của các Công ty trong Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất khẩu	4.725.922.724.452	4.146.414.409.163
Trong nước	1.566.525.910.097	948.597.502.335
Cộng	6.292.448.634.549	5.095.011.911.498

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Công ty trong Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay chủ yếu nằm trong lĩnh vực kinh doanh là nuôi trồng, sản xuất, chế biến thủy hải sản và thức ăn thủy sản.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	3.143.604.198	2.969.689.556
Trên 01 năm đến 05 năm	27.223.608.010	4.836.035.856
Trên 05 năm	50.430.203.473	11.797.923.003
Cộng	<u>80.797.415.681</u>	<u>19.603.648.415</u>

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành các công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban điều hành các công ty trong Tập đoàn đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban điều hành thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.237.664.563	-	-	-	89.237.664.563
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	802.451.008.141	-	-	-	802.451.008.141
Phải thu khách hàng	544.713.980.192	-	1.020.445.380	9.281.875.794	555.016.301.366
Các khoản cho vay	2.045.847.888	-	-	-	2.045.847.888
Các khoản phải thu khác	253.953.309.096	-	-	-	253.953.309.096
Cộng	1.692.401.809.880	-	1.020.445.380	9.281.875.794	1.702.704.131.054
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.328.912.771	-	-	-	73.328.912.771
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	240.977.578	-	-	-	240.977.578
Phải thu khách hàng	345.906.753.925	-	3.696.445.920	9.211.340.390	358.814.540.235
Các khoản cho vay	7.697.000.726	-	-	-	7.697.000.726
Các khoản phải thu khác	95.480.234.375	-	-	-	95.480.234.375
Cộng	522.653.879.376	-	3.696.445.920	9.211.340.390	535.561.665.685

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	2.035.705.398.842	31.773.382.959	31.773.382.960	2.099.252.164.761
Phải trả người bán	245.560.157.277	-	-	245.560.157.277
Các khoản phải trả khác	88.768.417.413	-	-	88.768.417.413
Cộng	2.370.033.973.532	31.773.382.959	31.773.382.960	2.433.580.739.451
Số đầu năm				
Vay và nợ	512.222.635.038	42.058.216.669	42.058.216.669	596.339.068.376
Phải trả người bán	84.102.525.240	-	-	84.102.525.240
Các khoản phải trả khác	228.633.109.727	-	-	228.633.109.727
Cộng	824.958.270.005	42.058.216.669	42.058.216.669	909.074.703.343



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn bán hàng chủ yếu là xuất khẩu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	GBP	USD	EUR	GBP
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.547.063,25	638,17	-	2.361.019,06	273,78	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.217,11	-	-	7.198,76	-	-
Phải thu khách hàng	23.814.339,72	-	-	15.144.443,25	-	-
Các khoản phải thu khác	332.385,32	-	-	1.279.717,47	-	-
Vay và nợ	(95.266.181,61)	-	-	-	-	-
Phải trả người bán	(2.632.082,10)	(78.028,80)	-	(237.567,90)	-	-
Các khoản phải trả khác	(7.123.923,39)	-	(84.048,26)	(5.287.699,76)	-	(84.048,26)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(77.321.181,70)	(77.390,63)	(84.048,26)	13.267.110,88	273,78	(84.048,26)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 33.045.526.635,00 VND (năm trước giảm/tăng 5.578.710.227 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND với EUR và GBP đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn là không đáng kể do tài sản/nợ thuần có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	<u>(63.546.765.919)</u>	<u>(95.266.181,61)</u>	<u>(596.339.068.376)</u>	-
Nợ phải trả thuần	<u>(63.546.765.919)</u>	<u>(95.266.181,61)</u>	<u>(596.339.068.376)</u>	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 01% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 20.357.430.348 VND (năm trước giảm/tăng 0 VND).

Ban điều hành đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay VND đến lợi nhuận trước thuế của Công ty là không đáng kể do có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn thế chấp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu khách hàng với giá trị sổ sách lần lượt là 330 tỷ VND và 120 tỷ VND để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.2, V.3 và V.19) (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 0 VND).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

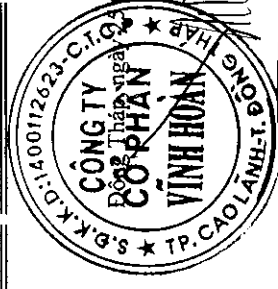
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	475.112.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	3.991.224.376	-	696.298.161.346	1.328.996.900.367
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	138.936.400.000	-	-	-	-	(138.936.400.000)	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	158.385.911.455	158.385.911.455
Trích quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	(19.731.501.734)	(19.731.501.734)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	242.340.898	-	-	242.340.898
Số dư cuối năm trước	614.049.130.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	4.233.565.274	-	696.016.171.067	1.467.893.650.986
Số dư đầu năm nay	614.049.130.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	4.233.565.274	-	696.016.171.067	1.467.893.650.986
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	309.990.300.000	-	-	-	-	(309.990.300.000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	25.917.744.645	36.897.215.355	-	-	-	62.814.960.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	439.152.061.580	439.152.061.580
Trích quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(90.309.244.500)	(90.309.244.500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	362.849.624	-	-	362.849.624
Số dư cuối năm	924.039.430.000	216.409.744.645	-	4.596.414.898	-	724.868.688.147	1.869.914.277.690

Nguyễn Thị Kim Đào

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Người lập biểu

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Đào
 Giám đốc tài chính



Ngày 31 tháng 3 năm 2015